UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ AN SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 239/BC- UBND	*An Sơn, ngày 17 tháng 4 năm 2024*

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 18/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Công văn số 712/UBND- VHTT ngày 15/04/2024 về việc đề nghị phối hợp báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 18/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân xã An Sơn báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

Xã An Sơn thuộc khu vực III nằm ở phía Đông của huyện Văn Quan có vị trí địa lý Phía Đông giáp xã Tràng Các; phía Tây giáp Thị trấn Văn Quan và xã Điềm He; phía Nam giáp xã Tân Đoàn, Bình Phúc; Phía Bắc giáp xã Điềm He, có diện tích tự nhiên là 53,07 km², dân số có 6.534 người/ 1.471 hộ /13 thôn; có 2 dân tộc chính đang sinh sống trên địa bàn gồm: Nùng, Tày. Diện tích chủ yếu là đồi núi chiếm hơn 80% diện tích cả xã. Trong những năm qua công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trên địa bàn xã ngày càng vững mạnh, khối đại đoàn kết các dân tộc tiếp tục được củng cố vững chắc. Các cơ chế, chính sách ngày càng hoàn thiện, đồng bộ; kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được đầu tư đã và đang phát huy hiệu quả; nhiều dự án, mô hình đang tiếp tục được triển khai; công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ được nâng lên, môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Là xã vùng III của huyện, bên cạnh những mặt thuận lợi, An Sơn còn phải đối mặt với một số khó khăn, thách thức đặc thù đó là: là xã sáp nhập địa bàn rộng, nhân dân sống thưa thớt, trình độ dân trí không đồng đều, mô hình kinh tế ít, lẻ tẻ chưa nhiều, đời sống Nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Những vấn đề trên có tác động không nhỏ đến tình hình thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn xã.

A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1.Thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được ban hành. UBND xã An Sơn đã cụ thể hóa tập trung triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn xã; triển khai và xây dựng các văn bản, chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Tham mưu ban hành Quyết định số 26/QĐ- UBND, ngày 21/02/2023 về Quyết định thành lập Ban chỉ đại về chuyển đổi số xã An Sơn; Kế hoạch số 23/KH – UBND ngày 21/02/2023 của UBND xã An Sơn về Kế hoạch chuyển đổi số An Sơn năm 2023; Quyết số 50/QĐ- UBND, ngày 14/3/2023 về kiện toàn tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã An Sơn; Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 01/5/2023 của UBND xã An Sơn về kế hoạch triển khai phát triển kinh tế số trên địa bàn xã An Sơn năm 2023; Kế hoạch số 25/KH – UBND ngày 15/01/2024 của UBND xã An Sơn về Kế hoạch chuyển đổi số An Sơn năm 2024; Kế hoạch số 94/KH – BBT ngày 20/2/2024 của Ban biên tập về Kế hoạch hoạt động của Trang thông tin điện tử xã An Sơn năm 2024.

Công tác triển khai thực hiện hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn xã đã được tăng cường; kịp thời triển khai, thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên.

2. Công tác kiểm tra giám sát: Không có

3. Công tác tuyên truyền về chuyển đổi số: trên cơ sở các văn bản triển khai UBND xã đã cụ thể hóa xây dựng các nội dung tuyên truyền qua loa truyền thanh thôn được 10 cuộc có khoảng 8.067 lượt người nghe, tuyên truyền qua các cuộc họp của thôn, tổ hội, chi hội được 30 cuộc có khoảng 12.036 lượt người nghe.

4. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới về chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vi: Không có.

5. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2025, theo Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 10/02/2022 của UBND huyện về thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025 định hướng đến năm 2030

(Chi tiết theo phụ lục gửi kèm)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả phát triển chính quyền số.

1.1. Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành

- Kết quả triển khai phần mềm: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice đã hoạt động ổn định, số lượng người sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice) là là 35 tài khoản (trong đó 03 tài khoản tổ chức, 32 tài khoản cá nhân).

- Từ 10/02/2022 đến 31/03/2024 tổng số văn bản hoàn toàn dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật) đã gửi là 1.302 văn bản, đạt tỷ lệ 100%; văn bản nhận: 17.826 văn bản.

- Tồn tại, hạn chế: Đôi khi hệ thống còn bị lỗi trong quá trình xử lý, tốc độ truyền tải dữ liệu trên hệ thống còn chậm và đôi khi bị lỗi.

1.2. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến

- Kết quả triển khai Hệ thống

- Xã hiện có 01 hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, hội nghị truyền hình trực tuyến đảm bảo trang thiết bị ổn định, đường truyền thông suốt.

- Đánh giá: các hội nghị truyền hình trực tuyến cơ bản về chất lượng, hình ảnh, âm thanh tốt.

1.3. Hoạt động của Trang thông tin điện tử

- Trang thông tin điện tử của xã https://anson.vanquan.langson.gov.vn/ đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là kênh thông tin chính thống của xã trên mạng Internet thường xuyên cập nhật, đăng tải kịp thời tin, bài, ..các văn bản chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo huyện, xã. Ban Biên tập Trang thông tin điện tử cơ bản quản trị tốt về mặt kỹ thuật, thường xuyên cập nhật kịp thời những thông tin hoạt động của xã. Từ tháng 02/2022 đến 31/03/2024 đã đăng tải được 55 tin bài, cập nhật 76 văn bản. Trang thông tin điện tử đã phản ánh các hoạt động, sự kiện, tính thời sự về tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và văn bản về công tác chỉ đạo điều hành của xã trên địa bàn xã.

- Hạn chế: công chức vận hành Trang thông tin điện tử không được đào tạo qua kĩ năng thiết kế Trang TTĐT, chỉ làm công tác kiêm nhiệm nên còn nhiều hạn chế về việc cấu hình, liên kết cài đặt vận hành Trang TTĐT.

1.4. Tình hình sử dụng chữ ký số.

- Ứng dụng chứng thư số, chữ ký số được triển khai cụ thể:

+ Số lượng chứng thư số của cá nhân: 13 thiết bị (gồm các lãnh đạo Đảng ủy, UBND xã và các công chức phụ trách số hóa hồ sơ, công chức tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả một cửa xã)

Đến thời điểm hiện tại: tỷ lệ sử dụng chứng thư số của tổ chức được cấp là 100%; tỷ lệ sử dụng chứng thư số đã được cấp cho cá nhân đang giữ chức vụ lãnh đạo Đảng ủy, UBND xã là 100%.

- Tồn tại, hạn chế: việc sử dụng chữ ký số của các cá nhân công chức phụ trách số hóa hồ sơ, công chức tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả một cửa của xã còn hạn chế, chưa biết sử dụng, nguyên nhân là chưa được tập huấn, hướng dẫn sử dụng.

- Đề xuất: Mở lớp tập huấn sử dụng chữ ký số cho công chức phụ trách số hóa hồ sơ, công chức tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả một cửa của xã.

1.5. Tình hình sử dụng thư điện tử công vụ.

Số lượng mail được cấp	**Số lượng sử dụng thường xuyên**	**Tỷ lệ %**	**Ghi chú**

31	31	100%	

1.6. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%

1.7. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Phần lớn cán bộ, công chức của UBND xã đều có trình độ tin học đạt chuẩn theo quy định, biết sử dụng kỹ năng tin học văn phòng. Hiện tại UBND các xã bố trí công chức Văn hóa - Xã hội thực hiện kiêm nhiệm về công nghệ thông tin, thông tin và truyền thông, công tác chuyển đổi số.

1.8. Công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin

Công tác đảm bảo an toàn mạng và an ninh thông tin được đảm bảo, đến nay chưa phát hiện có tình trạng để làm mất, lộ lọt bí mật Nhà nước hoặc sai phạm các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước. Các máy tính tại các đơn vị đều được trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền.

1.9. Số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

UBND xã đã thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC lên kho dữ liệu. Kết quả đạt với yêu cầu kế hoạch.

2. Kết quả phát triển kinh tế số

Tiếp tục duy trì đẩy mạnh triển khai kinh tế số, phát triển cửa hàng số và tài khoản thanh toán điện tử cho hộ gia đình, nâng cao đời sống vật chất cho người dân, thay đổi tư duy phương thức quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa theo cách làm truyền thống, giúp cho hộ gia đình ứng dụng công nghệ số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, chuyển đổi việc mua bán trên nền tảng công nghệ số.

3. Kết quả phát triển xã hội số

- Phấn đấu tỷ lệ hộ gia đình có đường truyền Internet cáp quang băng rộng đạt 40%: **chưa đạt**
- Phấn đấu tỷ lệ dân số có điện thoại di động thông minh đạt 80%: **chưa đạt**
- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 30%: **chưa đạt**
- 100% người dân và doanh nghiệp được Trợ lý ảo hỗ trợ thực hiện TTHC, sử dụng DVCTT của tỉnh: **Đạt.**
- 100% các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý. 60% trường học, cơ sở giáo dục sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí:
- Trạm y tế đã triển khai kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số; triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. Tỷ lệ cài đặt app Sổ sức khỏe điện tử đạt 48,68%;
- Công tác triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử

Tài khoản định danh điện tử trên địa bàn xã đã kích hoạt được 3.241/2.970 tài khoản đạt 109,1%

4. An ninh thông tin.

- Được đảm bảo, các máy tính tại đơn vị đều được trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền.

- 100% Công chức của cơ quan được đào tạo, bồi dưỡng về an toàn thông tin.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của UBND huyện và hướng dẫn của Phòng Văn hóa - Thông tin trong công tác triển khai thực hiện về công tác chuyển đổi số.

Nhìn chung, công tác thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn xã tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện; việc ứng dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice mang lại hiệu quả tích cực trong công tác chỉ đạo, điều hành; cơ bản các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt ký số điện tử khi ban hành văn bản trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice; Trang thông tin điện tử xã đăng tin, bài, cập nhật văn bản chỉ đạo và điều hành kịp thời; Các hội nghị truyền hình trực tuyến cơ bản về chất lượng, hình ảnh, âm thanh tốt; an toàn thông tin được đảm bảo; Hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được triển khai cập nhật; việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phát triển kinh tế số đang tiếp tục đẩy mạnh triển khai.

2. Tồn tại, hạn chế

Trong quá trình triển khai công tác chuyển đổi số trên địa bàn xã gặp một số khó khăn, hạn chế như sau:

- Công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện các nội dung về chuyển đổi số có nơi, có lúc chưa quan tâm đúng mức. Hình thức tuyên truyền chưa phong phú, tuyên truyền chưa được thường xuyên.

- Nguồn nhân lực phục vụ công tác chuyển đổi số chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Công chức phụ trách công tác chuyển đổi số kiêm nhiệm, không đúng chuyên ngành CNTT, phụ trách nhiều hệ thống, phương tiện như Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, Đài truyền thanh, Trang thông tin điện tử, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành ioffice, hệ thống quản lý cán bộ, công chức, hệ thống phản ánh kiến nghị và triển khai nhiều ứng dụng, nền tảng khác nên ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả công việc.

- Nhận thức của người dân về chuyển đổi số còn hạn chế, trình độ dân trí không đồng đều nên khó khăn trong công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia.

- Ứng dụng và phát triển CNTT nhìn chung triển khai còn chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các nội dung của Chuyển đổi số bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó chú trọng tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã; thông qua các cuộc họp của thôn, tổ hội, chi hội; tuyên truyền qua các trang mạng xã hội…

2. Tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng chứng thư số của tổ chức, cá nhân *(đã được cấp)* trong việc ban hành văn bản điện tử.

3. Tiếp triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng trong quá trình khai thác và sử dụng các hệ thống phầm mềm, tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức cho người dân và các doanh nghiệp tham gia dịch vụ công trực tuyến.

4. Thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến, số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC.

C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục triển khai chuyển đổi số đạt kết quả, UBND xã An Sơn xin đề xuất, kiến nghị một số nội dung sau:

- Tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho nguồn nhân lực thực hiện công tác chuyển đổi số. Đặc biệt là tập huấn về sử dụng chứng thư số cho các cán bộ, công chức phụ trách số hóa hồ sơ, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả một cửa xã.

- Hoàn thiện chức năng đồng bộ hồ sơ TTHC đã tiếp nhận và giải quyết giữa các Hệ thống: Dịch vụ công quốc gia, Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và Hệ thống số hóa hồ sơ TTHC.

- Đề nghị lắp trạm BTS cho các thôn, bản chưa có dịch vụ Internet di động hoặc có biện pháp khắc phục cho nhưng nơi có sóng di động nhưng sóng kém không ổn định.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 của UBND xã An Sơn./.

Nơi nhận:
- Phòng Văn hóa và Thông tin;
- TT Đảng ủy, TT HĐND;
- CT, các PCT UBND;
- Lưu: VT.

TM .ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ AN SƠN H.VĂN QUAN T.LẠNG SƠN

Nông Trần Cảnh

PHỤ LỤC

THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ THEO KẾ HOẠCH SỐ 29/KH-UBND NGÀY 10/02/2022 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 49-NQ/TU NGÀY 28/9/2021 CỦA UBND HUYỆN

(Kèm theo báo cáo số: 239/BC-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của UBND xã An Sơn)

STT	Nội dung, mục tiêu	Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo	Dự kiến kết quả đạt được đến 2025	Ghi chú
	MỤC TIÊU ĐẾN 2025			
I.1	***Phát triển chính quyền số***			
1	100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện thực hiện mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% các cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần.	100	100	
2	100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.	Đạt	Đạt	
3	80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Đạt	Đạt	
4	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	Đạt	Đạt	
5	100% các hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan hành chính nhà nước thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể,	Đạt	Đạt	

STT	Nội dung, mục tiêu	Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo	Dự kiến kết quả đạt được đến 2025	Ghi chú
	thống nhất.			
6	100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định	Đạt	Đạt	
6.1	*100% tài liệu lưu trữ lịch sử được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.*	Đạt	Đạt	
6.2	*100% hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.*	Đạt	Đạt	
7	100% cơ quan nhà nước có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.	Đạt	Đạt	
8	50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.			
9	100% đơn vị cấp xã có hệ thống thông tin truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ số, nền tảng số.	Đạt	Đạt	
10	100% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước hoạt động trên nền tảng điện toán đám mây của tỉnh (Lạng Sơn Cloud).	Đạt	Đạt	
11	100% các cơ quan, đơn vị thực hiện số hóa, xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu		Đạt	

STT	Nội dung, mục tiêu	Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo	Dự kiến kết quả đạt được đến 2025	Ghi chú
	quốc gia bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, tư pháp,… tạo nền tảng phát triển chính quyền số của tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.	Đạt		
12	100% cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước có ít nhất một Trợ lý ảo hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức trong môi trường làm việc.			
I.2	***Phát triển kinh tế số***			
1	Tỷ lệ hộ gia đình, người dân có cửa hàng số cho người mua và người bán giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử đạt trên 50%.	60,1	62	
I.3	***Phát triển xã hội số***			
1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình.	70	85	
2	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.	65	80	
3	100% người dân và doanh nghiệp được Trợ lý ảo hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.	100	100	
3	100% các trường học sử dụng nền tảng số trong công tác giảng dạy và hoạt động quản lý.	100	100	

STT	Nội dung, mục tiêu	Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo	Dự kiến kết quả đạt được đến 2025	Ghi chú
4	100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số.			
5	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số đạt 100%.			
6	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử, ví điện tử trên 50%.	20,66	40	